TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18/11/2024
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Toàn Thắng.

***- Hội thẩm nhân dân*:** Ông Lại Văn Cán, bà Phạm Thị Hải Yến.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Liên.

- Đại diện VKSND huyệnVũ Thư: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 71/2024/TLST - HNGĐ ngày 06/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Cẩm L**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số nhà K313, đường số D6, tổ 8, khu phố 4, khu đô thị T, phường T, thị xã B, tỉnh B. (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn Q**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện V, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn (Chị Hoàng Thị Cẩm L) trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Cẩm L kết hôn với anh Hoàng Văn Q, do tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện V, tỉnh T ngày 04/02/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay và không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Thảo T, sinh ngày 13/7/2022, ly hôn chị L xin nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Hoàng Văn Q không đến Tòa án để trình bày, mặc dù anh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Trần Thị L1, sinh năm 1976, trú tại thôn B, xã S, huyện V, tỉnh T (là mẹ đẻ anh Q) đã trình bày như sau:

Chị Hoàng Thị Cẩm L kết hôn với anh Hoàng Văn Q, do tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện V, tỉnh T ngày 04/02/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, nên chị L thường xuyên bỏ về nhà mẹ đẻ, vì vậy vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Bà L1 đã nhận toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh Q, và đã giao lại cho anh Q đầy đủ, nhưng do công việc bận mải nên anh Q không đến Tòa án được.

Theo bà L1 thì anh Q và chị L không thể quay về được với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Q và chị L có 01 con chung là Hoàng Thảo T, sinh ngày 13/7/2022, hiện đang ở với chị L. Đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Q nếu chị L đi lấy chồng.

Về tài sản: Anh Q và chị L không có tài sản chung.

Tại biên bản xác minh UBND xã S, huyện V, tỉnh T đã cung cấp như sau:

Chị Hoàng Thị Cẩm L kết hôn với anh Hoàng Văn Q, do tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện V, tỉnh T ngày 04/02/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được thời gian ngắn tại địa phương, nên địa phương không nắm được mâu thuẫn của anh chị, vì vậy nay chị L có đơn xin ly hôn anh Q thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện anh Q vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện V, tỉnh T. Anh Q chưa đăng ký tạm vắng tại xã S, chưa đăng ký tạm trú tại địa phương khác.

Về con chung: Anh Q và chị L có 01 con chung là Hoàng Thảo T, sinh ngày 13/7/2022. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Anh Q và chị L không có tài sản tại địa phương xã S, huyện V, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đại diệnViện kiểm sát đề nghị hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Cẩm L được ly hôn anh Hoàng Văn Q.

- Về con chung: Xử giao cho chị Hoàng Thị Cẩm L trực tiếp nuôi con chung Hoàng Thảo T, sinh ngày 13/7/2022, chấp nhận việc chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Chị L không yêu cầu, anh Q chưa có ý kiến trình bày, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Các đ- ơng sự có quyền yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Q cư trú tại xã S, huyện V, tỉnh T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Cẩm L kết hôn với anh Hoàng Văn Q do tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện V, tỉnh T ngày 04/02/2020 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, nên chị L thường xuyên bỏ về nhà mẹ đẻ, vì vậy vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay và không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy cần xử cho chị L được ly hôn anh Q là phù hợp quy định của luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy chị L và anh Q có 01 con chung là Hoàng Thảo T, sinh ngày 13/7/2022, hiện đang ở với chị L. Cháu Hoàng Thảo T hiện còn nhỏ, dưới 3 tuổi nên sẽ thuận lợi hơn nếu ở với mẹ. Xét thấy chị L có điều kiện chăm sóc về mọi mặt cho con chung tốt hơn. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cho chị L trực tiếp nuôi con chung Hoàng Thảo T, sinh ngày 13/7/2022, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Xét thấy chị L không yêu cầu, anh Q chưa có ý kiến trình bày, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Các đ- ơng sự có quyền yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24,

27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Cẩm L được ly hôn anh Hoàng Văn Q.

2/ Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Hoàng Thị Cẩm L trực tiếp nuôi con chung Hoàng Thảo T, sinh ngày 13/7/2022, chấp nhận việc chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Chị Hoàng Thị Cẩm L và anh Hoàng Văn Q có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Các đ- ơng sự có quyền yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

4/ Về án phí: Chị Hoàng Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Chị Hoàng Thị Cẩm L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số 00001664 ngày 06/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc bản án đ- ợc niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện V;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THA huyện V;*
- *UBND xã S, huyện V;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Toàn Thắng